

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2025.

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Lê Khải.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2025/TLST – HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1989 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay Thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Như H, sinh năm 1985 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Phú T, xã Quảng P, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay Thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề 18/6/2025 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Nguyễn Như H kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng (xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông) vào năm 2009. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ, thấu hiểu. Mặc dù ông bà còn chung sống cùng một nhà nhưng việc ai nấy làm, không quan tâm hỏi han nhau, không

tìm cách hàn gắn tình cảm, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Như H.

- Về yêu cầu nuôi con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Nguyễn Võ Bảo T, sinh ngày 17/9/2010 và Nguyễn Võ Bảo D, sinh ngày 15/6/2019. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Võ Bảo D, sinh ngày 15/6/2019 đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung Nguyễn Võ Bảo T, sinh ngày 17/9/2010 cho ông Nguyễn Như H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Như H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H công nhận mối quan hệ hôn nhân của ông H và bà T đúng như lời trình bày của bà T. Ông bà chung sống hạnh phúc đến gần cuối năm 2024 thì ông H phát hiện bà T có quan hệ yêu đương với người khác, ông H nhiều lần khuyên bảo, nhắc nhở nhưng bà T không thay đổi, hiện nay vẫn tiếp tục duy trì. Xét thấy quan hệ hôn nhân của ông H và bà T không có khả năng hàn gắn vì vậy ông H đồng ý ly hôn với bà T.

- Về yêu cầu nuôi con chung: Ông H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Võ Bảo T, sinh ngày 17/9/2010 và Nguyễn Võ Bảo D, sinh ngày 15/6/2019 đến tuổi trưởng thành. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn; Bị đơn chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Võ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Như H

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Võ Bảo T, sinh ngày 17/9/2010 cho ông Nguyễn Như H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Giao con chung Nguyễn Võ Bảo D, sinh ngày 15/6/2019 cho bà Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con chung Nguyễn Võ Bảo T, Nguyễn Võ Bảo D; biên bản ghi nhận ý kiến của con chung Nguyễn Võ Bảo T; bản sao giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CL 920220, số CL 920221, số CL 920222 đều mang tên ông Nguyễn Như H và bà Võ Thị T; bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Nguyễn Như H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Như H trú tại Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng). Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng) thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền và đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 01/2008, Quyền số 07, đăng ký kết hôn ngày 07/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay Ủy ban nhân dân Q, tỉnh Lâm Đồng) thì hôn nhân giữa bà Võ Thị T và ông Nguyễn Như H là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo trình bày của bà T và ông H, cũng như kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông H thể hiện trong cuộc sống vợ chồng ông H và bà T có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, ông H cho rằng bà T có tình cảm yêu đương người khác đã được ông H khuyên nhủ nhiều lần không nghe. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Do bất đồng quan điểm sống, ông bà không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, quan tâm, thấu hiểu, yêu thương, tin tưởng nhau nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mặc dù ông H và bà T còn chung sống với nhau trong một nhà nhưng không ai quan tâm ai, mạnh ai người đó sống khiến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách, bà T cương quyết

ly hôn, ông H đồng ý ly hôn với bà T. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông H không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của bà T và ông H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về yêu cầu con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà T và ông H không thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi con chung. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Võ Bảo D, sinh ngày 15/6/2019 đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung Nguyễn Võ Bảo T, sinh ngày 17/9/2010 cho ông Nguyễn Như H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên ông H không đồng ý mà có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

Về tài liệu chứng cứ, chứng minh: Ông H và bà T đều cung cấp cho Tòa án 03 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 920220, số CL 920221 và số CL 920222 mang tên ông Nguyễn Như H và bà Nguyễn Thị T, bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Nguyễn Như H để chứng minh điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông H cho rằng bà T ngoại tình nên không có tư cách nuôi con. Xét thấy, các con chung của ông H, bà T chưa thành niên, cần người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Cháu Nguyễn Võ Bảo D, sinh ngày 15/6/2019 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Đây là quyền cũng là nghĩa vụ trách nhiệm của người bố, người mẹ không phụ thuộc vào việc bố mẹ có tài sản gì để nuôi con hay không, bà T cũng không thuộc trường hợp phải hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, vì vậy việc giao con chung cho ông H và bà T mỗi người nuôi dưỡng một cháu là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của cả hai người, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Võ Bảo T tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên thì cháu Nguyễn Võ Bảo T, sinh ngày 17/9/2010 có nguyện vọng được ở với ông H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”.

Từ những căn cứ nêu trên, áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Võ Bảo T, sinh ngày 17/9/2010 cho ông Nguyễn Như H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con chung Nguyễn Võ Bảo D, sinh ngày 15/6/2019 cho bà Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn ông H, bà T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Trong trường hợp các đương sự lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

[2.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Như H.

b. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Võ Bảo T, sinh ngày 17/9/2010 cho ông Nguyễn Như H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con chung Nguyễn Võ Bảo D, sinh ngày 15/6/2019 cho bà Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Võ Thị T và ông Nguyễn Như H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bà Võ Thị T và ông Nguyễn Như H có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008366, ngày 18/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND xã Q, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nhi